



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2031 /LĐBD-HCNS
V/v: công bố thông tin Biên bản và
Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
thường niên 2020

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu
khí biển PTSC

Mã chứng khoán: POS

Trụ sở chính: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành
phố Vũng Tàu

Điện thoại: 254 – 3515758

Fax : 254 – 3515759

Người thực hiện công bố thông tin: ông Vũ Chi Viện

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/cáo);
- Website www.pos.ptsc.com.vn
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, PT (02).



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Chi Viện

Số: 07/NQ-LDBD-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 06 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/6/2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban điều hành; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

- | | | |
|----|----------------------|-------------------|
| 1. | Doanh thu | : 3.482,99 tỷ VNĐ |
| 2. | Lợi nhuận trước thuế | : 90,28 tỷ VNĐ |
| 3. | Lợi nhuận sau thuế | : 72,27 tỷ VNĐ |
| 4. | Tỷ lệ chia cổ tức | : 14%/vốn điều lệ |

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch tài chính năm 2020 theo đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	Tỷ đồng	34,08



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
2	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	38,34
3	Chia cổ tức (7% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	28,00
4	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	9,74
5	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,60
6	LN còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời điểm phù hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để phân bổ lợi nhuận năm 2019 theo phương án đã được phê duyệt.

2. Chi tiết Kế hoạch tài chính năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	18,07%
5	KH phân phối lợi nhuận năm 2020	Tỷ đồng	
+	Chia cổ tức 14% Vốn điều lệ	Tỷ đồng	56,00
+	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	15,40
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,87

Điều 5: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Điều 6: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông **Nguyễn Văn Bảo**.

Điều 7: Thông qua kết quả bầu Thành viên Ban kiểm soát như sau:

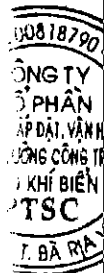
STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1	Ông Trương Trọng Huy	Thành viên Ban kiểm soát

Điều 8: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2020:

- Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng



- Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng

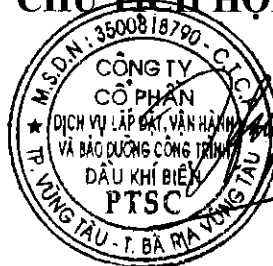
3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020: Chi phí công vụ (gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 9: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Ban Giám đốc;
- Trưởng các phòng chức năng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Tài liệu kèm theo:

- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị;
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban điều hành;
- Phụ lục 3: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Ban Kiểm soát;

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Tên Doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS).
Địa chỉ	Số 65A, đường 30/4, Cảng Hạ lưu PTSC, Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu.
Giấy ĐKKD	3500818790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp
Thời gian họp	Bắt đầu lúc: 08h30 ngày 12/6/2020 Kết thúc hồi: 10h45 ngày 12/6/2020
Địa điểm họp	Khách sạn Dầu khí PTSC, số 09 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu
Đoàn chủ tịch Đại hội	Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch Hội đồng quản trị – Chủ tọa Ông Dương Hùng Văn – Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc – Thành viên Đoàn chủ tịch Ông Vũ Chi Viện – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc – Thành viên Đoàn chủ tịch
Thư ký Đại hội	Bà Trần Thị Phương Trang - Trưởng ban Bà Tạ Thị Ngọc Duyên - Thành viên
Số cổ đông tham dự	30 cổ đông, đại diện cho 37.778.000 cổ phần chiếm 94,45% tổng số phiếu có quyền biểu quyết .

I. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

Ban Tổ chức tiến hành đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp.

Ông Nguyễn Văn Sâm thay mặt Ban Tổ chức báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông.

Đến thời điểm 08h30 ngày 12/6/2020, số lượng cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp là 27 cổ đông, đại diện cho 37.762.300 cổ phần, chiếm 94,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp và Điều 19 Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

II. Thủ tục khai mạc Đại hội

Ông Phạm Việt An thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký đại hội:

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội bao gồm:



- Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch Hội đồng quản trị – Chủ tọa,
- Ông Dương Hùng Văn – Thành viên HĐQT/Giám đốc – Thành viên,
- Ông Vũ Chi Viện – Thành viên HĐQT – Thành viên.

2. Ban Thư ký Đại hội bao gồm:

- Bà Trần Thị Phương Trang – Trưởng ban.
- Bà Tạ Thị Ngọc Duyên – Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký đại hội với tỷ lệ 100%

III. Nội dung diễn tiến Đại hội

1. Ông Nguyễn Tiên Phong phát biểu khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và trình bày nội dung nghị sự sau đây.

- Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020;
 - Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Ban kiểm soát;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán;
 - Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch tài chính năm 2020;
 - Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;
 - Tờ trình về việc nhân sự Ban kiểm soát;
 - Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2020.
2. Ông Vũ Chi Viện trình bày Chương trình làm việc, Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội.

Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua Chương trình làm việc, Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội.

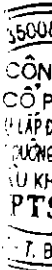
3. Ông Dương Hùng Văn giới thiệu Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Nguyễn Văn Sâm – Trưởng Ban
- Ông Trần Đăng Ninh – Thành viên
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua thành phần Ban kiểm phiếu.

4. Phân trình bày các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Ông Nguyễn Tiên Phong báo cáo Đại hội hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị.
- Ông Dương Hùng Văn báo cáo Đại hội tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
- Ông Nguyễn Văn Bảo – Trưởng ban Ban kiểm soát Công ty báo cáo Đại hội về hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban kiểm soát.
- Ông Nguyễn Minh Ngọc trình bày các nội dung: (1) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; (2) Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch tài chính năm 2020.



- Ông Nguyễn Văn Bảo trình bày các nội dung: (1) Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; (2) Tờ trình về việc nhân sự Ban kiểm soát.
- Ông Vũ Chí Viện trình bày nội dung Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2020.

5. Thảo luận:

Ý kiến của đại diện ngân hàng Oceanbank – Cổ đông nắm giữ 3.503.900 cổ phần có quyền biểu quyết: Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty rà soát và tiến hành các thủ tục để kiện toàn nhân sự Ban kiểm soát trong thời gian sớm nhất, đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện đúng với quy định trong Điều lệ hiện hành.

Ông Nguyễn Tiên Phong - Thành viên Đoàn chủ tịch đã ghi nhận và tiếp thu ý kiến đóng góp của Cổ đông.

6. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung cần thông qua.

- Ông Nguyễn Tiên Phong điều hành Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung cần thông qua.

7. Ban kiểm phiếu tiến hành việc thu phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu. Ông Nguyễn Văn Sâm - Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

- Số phiếu phát ra: 32 phiếu, đại diện cho 37.778.000 cổ phần
- Số phiếu thu về: 32 phiếu, đại diện cho 37.778.000 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần

IV. Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu, Đại hội đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị

- Số phiếu biểu quyết đồng ý 32 phiếu tương ứng	37.778.000	Cổ phần đạt	100%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%

2. Báo cáo tình hình SXKD năm 2019, Kế hoạch SXKD năm 2020

- Số phiếu biểu quyết đồng ý 32 phiếu tương ứng	37.778.000	Cổ phần đạt	100%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%

3. Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2019 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2020 của Ban kiểm soát

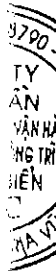
- Số phiếu biểu quyết đồng ý 32 phiếu tương ứng	37.778.000	Cổ phần đạt	100%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%

4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

- Số phiếu biểu quyết đồng ý 32 phiếu tương ứng	37.778.000	Cổ phần đạt	100%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%

5. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch tài chính năm 2020

- Số phiếu biểu quyết đồng ý 31 phiếu tương ứng	37.768.000	Cổ phần đạt	99,97%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý 01 phiếu tương ứng	1.000	Cổ phần đạt	0,03%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng	0	Cổ phần đạt	0%



6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

- | | | | |
|--|------------|-------------|--------|
| - Số phiếu biểu quyết đồng ý 31 phiếu tương ứng | 37.757.000 | Cổ phần đạt | 99,94% |
| - Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng | 0 | Cổ phần đạt | 0% |
| - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 01 phiếu tương ứng | 21.000 | Cổ phần đạt | 0,06% |

7. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Bảo

- | | | | |
|---|------------|-------------|------|
| - Số phiếu biểu quyết đồng ý 32 phiếu tương ứng | 37.778.000 | Cổ phần đạt | 100% |
| - Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng | 0 | Cổ phần đạt | 0% |
| - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 phiếu tương ứng | 0 | Cổ phần đạt | 0% |

8. Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trương Trọng Huy giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát

- | | | | |
|---|------------|-------------|------|
| - Số phiếu đồng ý bầu 32 phiếu tương ứng | 37.778.000 | Cổ phần đạt | 100% |
| - Số phiếu không đồng ý bầu 0 phiếu tương ứng | 0 | Cổ phần đạt | 0% |

9. Tờ trình về việc chi trả thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2019

- | | | | |
|--|------------|-------------|--------|
| - Số phiếu biểu quyết đồng ý 31 phiếu tương ứng | 37.757.000 | Cổ phần đạt | 99,94% |
| - Số phiếu biểu quyết không đồng ý 0 phiếu tương ứng | 0 | Cổ phần đạt | 0% |
| - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 01 phiếu tương ứng | 21.000 | Cổ phần đạt | 0,06% |

8. Bà Trần Thị Phương Trang – Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết.

9. Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua dự thảo Nghị quyết.

Đại hội kết thúc lúc 10h45 ngày 12/6/2020.

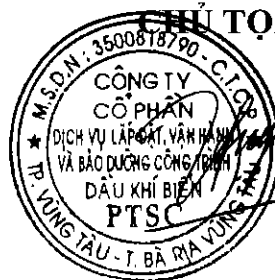
Biên bản này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Trần Thị Phương Trang

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty;
- UBCKNN, HNX;
- Website Công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. Tình hình chung

Năm 2019 dưới sự tác động của việc giá dầu thô vẫn ở mức thấp cùng với những diễn biến phức tạp về chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới và khu vực đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới lĩnh vực dầu khí nói chung và cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS) nói riêng.

Bên cạnh đó các yếu tố, điều kiện cơ bản của môi trường kinh doanh không thuận lợi đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các phương diện: công tác phát triển dịch vụ tại nước ngoài gặp khó khăn do các chính sách ở nước sở tại; các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển còn thiếu gây ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty; chính sách thuế nhà thầu còn nhiều bất lợi làm giảm ưu thế cạnh tranh so với nhà thầu phụ nước ngoài.

Nhận thấy được các khó khăn trên cùng với sự quan tâm, hỗ trợ sát sao của Công ty mẹ là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể như sau:

- Tăng cường tiết giảm chi phí, triệt để tiết kiệm để tiếp tục thực hiện các dịch vụ truyền thống trong điều kiện giá dịch vụ giảm mạnh.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác marketing, chào giá các gói thầu trong và ngoài nước liên quan đến phạm vi cung cấp dịch vụ của Công ty; đồng thời tăng cường tiếp cận và tìm hiểu thông tin về các dự án chuẩn bị đấu thầu trong tương lai gần.
- Bám sát, quản lý chặt chẽ việc triển khai các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm góp phần cắt giảm tối đa chi phí và tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Kết thúc năm 2019, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, mang lại công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động và từng bước nâng cao thương hiệu, uy tín của Công ty tại thị trường trong nước và nước ngoài.

II. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kế hoạch công tác đề ra và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 12 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 19 văn bản trong đó có 11 nghị quyết và 08 quyết định. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như Phụ lục 1 đính kèm.

HĐQT thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định đã ban



hành, giám sát hoạt động của các phòng/ban thông qua các báo cáo định kỳ của Giám đốc và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với các phòng/ban.

1.2. Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHCĐ phê duyệt, năm 2019 HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra, cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên

HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

b. Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2019 của Công ty

Năm 2019 tổng doanh thu đạt được là 1.471,52 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 46,58 tỷ đồng, tương ứng 120,10% và 329,89% so với kế hoạch năm, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH 2019/ KH 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400	400	400	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.267,73	1.225,24	1.471,52	120,10%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,81	14,12	46,58	329,89%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,54	11,30	34,08	301,59%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	3,64%	2,83%	8,52%	301,06%
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	1,94%	1,56%	4,56%	292,39%
7	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	3,74	177,78	4,23	2,38%

c. Công tác tổ chức nhân sự

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo triển khai hoàn thành tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty, đảm bảo duy trì sự ổn định của bộ máy, tăng cường hiệu quả trong công tác chỉ đạo các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- HĐQT đã tổ chức việc bầu thay thế 01 Thành viên HĐQT tại Đại hội thường niên 2019.

- Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, cơ cấu tổ chức các Phòng chức năng phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, HĐQT đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty giai đoạn đến năm 2020 và giao đoạn 2020-2025.

d. Công tác đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của Công ty, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai đầu tư phù hợp nhu cầu sản xuất, đảm bảo hiệu quả trong việc đầu tư.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 của Công ty là 4,23 tỷ đồng, đạt 2,38% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư thấp là do một số dự án đầu tư lớn như gói nâng cấp, hoán cải cầu 300T của Sà lan POS1; gói đầu tư Leaktest equipment được đánh giá là chưa đạt hiệu quả kinh tế nên tạm dừng đầu tư. Bên cạnh đó, dự án đầu tư dây chuyền thiết bị bắn bi – phun sơn tự động với giá trị theo kế hoạch là 70 tỷ, nhưng sau khi khảo sát và nghiên cứu thì chỉ đầu tư dây chuyền phun bi nên giá trị thực hiện thấp hơn so với kế hoạch.

e. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, sửa đổi các văn bản liên quan đến hệ thống quản lý để đảm bảo công tác quản trị tuân thủ đúng theo quy định của pháp

2019
 ĐNG
 PH
 ÁP ĐẤT
 CÔNG C
 KHÍ
 TSO
 T. BÀ

luật.

1.3. Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

a. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

b. Công tác chi trả cổ tức năm 2018

Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019, ngày 21/08/2019 HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-LĐBD-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 07%).

c. Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019

2.1. Về hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin được công khai minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2019, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2019 là đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Công ty.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, các Thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong công tác của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;

- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT;

- Phụ trách kiểm tra, giám sát lĩnh vực kế hoạch SXKD, đầu tư phương tiện trang thiết bị, xây dựng cơ bản;
- Phụ trách lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Ký duyệt các báo cáo, công văn, tờ trình... gửi Tổng công ty PTSC;
- Phụ trách các công việc không phân công cho các thành viên HĐQT khác.

b. Ông Dương Hùng Văn – thành viên HĐQT, Giám đốc:

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Phụ trách các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Công tác bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các cán bộ quản lý theo các Quy định của Công ty;
- Phụ trách công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh, làm việc với các nhà đầu tư, khách hàng hoặc đối tác có nhu cầu tìm hiểu về Công ty.
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ;
- Phụ trách lĩnh vực thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán, thu xếp vốn cho các dự án của Công ty, quan hệ với các định chế tài chính, công tác kiểm toán của Công ty;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD, tài chính, kế toán.

c. Ông Vũ Chi Viện – thành viên HĐQT, Phó Giám đốc:

- Công tác đoàn thể, những vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các công tác liên quan đến phát triển nguồn nhân lực;
- Các vấn đề liên quan đến người lao động;
- Công tác thi đua;
- Công tác xây dựng/sửa đổi và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ;
- Công tác giao dịch, cung cấp, thu thập thông tin của các cổ đông;
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp;
- Công bố thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách.

d. Ông Nguyễn Tuấn – thành viên HĐQT:

- Phụ trách các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Công tác xây dựng và ban hành các quy chế/quy định quản lý nội bộ.

e. Ông Nguyễn Thế Hoàng – thành viên HĐQT:

- Với vai trò là một người đại diện vốn của ngân hàng Oceanbank tại Công ty, ông Nguyễn Thế Hoàng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến kịp thời và đưa ra những kiến nghị nằm trong quyền hạn được giao.

2.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019

a. Thù lao của HĐQT năm 2019

Đối với Chủ tịch HĐQT mức thù lao là 5 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các thành viên HĐQT mức thù lao là 3 triệu đồng/người/tháng.

Đối với thành viên HĐQT chuyên trách thì áp dụng chế độ trả lương theo quy định tại quy chế lương của Công ty (hiện nay HĐQT Công ty không có thành viên chuyên trách).

Chi tiết thù lao năm 2019 của HĐQT như Phụ lục 2 đính kèm.

b. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế tài chính, Định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

3. Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc đổi mới và khắc phục tốt với khó khăn, biến động của ngành Dầu khí nói riêng và cả nền kinh tế nói chung để điều hành Công ty đạt được kết quả khá quan, thể hiện ở các mặt sau:

- Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông giao; bám sát và chỉ đạo triển khai các quyết định của ĐHCĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế;

- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý;

- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty;

- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi;

- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đắp sự thiếu hụt công việc do giá dầu thấp nhưng vẫn đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án trong nước đã được giao thầu với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro;

- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

B. NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020

I. Hội đồng quản trị Công ty POS đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 như sau:

- Hỗ trợ Ban điều hành để tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 và các nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.

- Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty
- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, đổi tác mới, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ ra thị trường nước ngoài, nghiên cứu phát triển loại hình dịch vụ, sản phẩm mới;
- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính trong năm 2020:

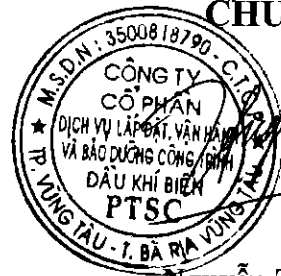
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27
7	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	18,07%
8	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	75,85

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS; Ban GD,
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Phụ lục 1:
Danh mục các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Ngày ban hành	Số hiệu văn bản	Nội dung
1.	10/01/2019	01/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết Thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ phục vụ dự án với Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
2.	23/01/2019	02/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3.	08/03/2019	03/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2018
4.	11/03/2019	04/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Chốt danh sách cổ đông
5.	14/03/2019	06/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2019
6.	23/04/2019	07/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết Phê duyệt KH SXKD năm 2019
7.	25/04/2019	08/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết Phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2019
8.	09/05/2019	287/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị
9.	09/05/2019	288/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Bỏ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị
10.	11/07/2019	473/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định Phê duyệt định biên lao động và kế hoạch nhân sự năm 2019
11.	29/07/2019	528/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định Phê duyệt và ban hành định mức trang bị máy tính
12.	29/07/2019	529/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định Phê duyệt và ban hành định mức kết cấu thép & piping trên bờ
13.	29/07/2019	530/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định Phê duyệt và ban hành định mức sơn bảo dưỡng Sà lan
14.	20/08/2019	010/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư năm 2019
15.	21/08/2019	011/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2018
16.	11/09/2019	012/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Bổ sung Kế hoạch đầu tư năm 2019
17.	08/10/2019	737/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc
18.	26/11/2019	868/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định Phê duyệt quy chế tiền lương Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
19.	28/11/2019	013/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

190
TY
AN
VAN HU
NG TR
BIEN
KA Q

Phụ lục 2:
Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc		Thù lao và lợi ích khác trước thuế (VNĐ)
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	01/01/2019	31/12/2019	103.000.000
2.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/ Giám đốc	01/01/2019	31/12/2019	1.276.173.400
3.	Vũ Chi Viện	TV HĐQT/ Phó Giám đốc	01/01/2019	31/12/2019	992.807.400
4.	Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	09/05/2019	31/12/2019	24.000.000
5.	Trần Ngọc Chương	Nguyên Thành viên HĐQT	01/01/2019	09/05/2019	33.000.000
Tổng cộng					2.425.980.800



Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2020 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2019:

Năm 2019 Công ty POS đạt tổng doanh thu là 1.471,52 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 46,58 tỷ VNĐ. Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Deloitte như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH 2019/ KH 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.225,24	1.471,52	120,10%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	14,12	46,58	329,89%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	11,30	34,08	301,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	1,56%	4,56%	292,39%
6	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	11,30	38,34	339,29%

* Lợi nhuận được phân phối năm bao gồm lợi nhuận năm 2019: 34,08 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây: 4,26 tỷ đồng;

So sánh với kết quả các năm trước:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2018	KH năm 2019 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	1.267,73	1.225,24	1.471,52	116,08%	120,10%
2	Lợi nhuận sau thuế	14,54	11,30	34,08	234,39%	301,59%
3	Nộp NSNN	60,03	64,48	107,39	178,89%	166,55%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu (%)	1,15%	0,92%	2,32%	201,74%	253,17%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	3,64%	2,83%	8,52%	234,07%	301,06%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	26,92	26,00	26,82	99,63%	103,15%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 được xây dựng trên những cơ sở Nghị quyết số 04/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức vào ngày 25/04/2019.

➤ Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Tuân thủ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Ghi chú
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	11,30	38,34	
2	Chia cổ tức (7% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng		28,00	
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng			
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng		9,74	
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng		0,60	
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng			

* Lợi nhuận được phân phối (38,34 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2019: 34,08 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây: 4,26 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện các dịch vụ chủ yếu của Công ty:

3.1. Dịch vụ xây lắp công trình biển: Là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2019 mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng Công ty POS đã bằng mọi nỗ lực chủ động tiếp xúc với các khách hàng, đối tác để tìm kiếm và tham gia cung cấp dịch vụ dự án xây lắp công trình biển. Kết quả doanh thu từ dịch vụ xây lắp công trình biển năm 2019 là 868,71 tỷ đồng chiếm 59,03% tổng doanh thu của Công ty (1.471,52 VNĐ).

3.2. Dịch vụ Xây dựng công trình dầu khí trên bờ: Công ty POS đã hoàn thành và tiếp tục triển khai các dự án Long Phú, Hyosung, Long Sơn. Doanh thu của dịch vụ này trong năm 2019 đạt 201,54 tỷ đồng chiếm 13,70% tổng doanh thu của công ty (1.471,52 tỷ VNĐ).

3.3. Dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí (O&M): Dịch vụ này là mảng dịch vụ có nguồn doanh thu đều đặn và ổn định lâu dài. Doanh thu từ dịch vụ O&M năm 2019 là 354,13 tỷ VNĐ, chiếm 24,07% tổng doanh thu của Công ty (1.471,52 tỷ VNĐ), đạt 121,43 % so với kế hoạch (291,63 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2019 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BDPOC, CLJOC, PVEP POC, TLJOC	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (79 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông);	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
		KNOC (54 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rông Đồi); TNK (01 nhân sự cho giàn Lan Tây); Cứu Long JOC (12 Painter làm việc trên 03 giàn STV, STT, STD; 4 Rigger làm việc trên CPP); PVEP POC (03 nhân sự làm việc trên giàn SDA); PTSC TH (05 nhân sự vận hành, bảo dưỡng cho dự án NMLD Nghi Sơn - Dịch vụ kết thúc ngày 30/4/2019); PVTRANS (01 E & I Supervisor và 04 E&I Technician làm việc trên FPSO LEWEK EMAS AT CHIM SAO Lô 12W)	Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2019 POS đã cung cấp gần 900 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng CLJOC, BĐPOC, TLJOC,... và cho dự án NASR, LP1, GALLAF, LSP-A1, E1-GLS, SVDN HUC, SVDN-PL của Công ty POS	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

3.4. Dịch vụ cho thuê sà lan nhà ở và sà lan vận chuyển:

a. **Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1:** Trong năm 2019, số ngày làm việc của POS1 đạt 102 ngày. POS1 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Huy động phục vụ dự án E1	14/5/2019	11/6/2019	28	
2	Cho khách hàng Two Offshore Marine Sdn Bhd để thực hiện dự án Vestigo Petroleum	01/7/2019	13/9/2019	74	
Tổng số ngày khai thác				102	

b. **Sà lan vận chuyển PTSC 01:** Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2019 đạt 124 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Cho khách hàng TCO thuê	01/01/2019	04/5/2019	124	
Tổng số ngày khai thác				124	

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng cơ bản:

4.1. Công tác đầu tư thiết bị:

a. Các gói đầu tư năm 2019: Hoàn thành công tác đầu tư Phần mềm tính toán phân tích rải ống; Máy hàn TIG; Bộ cấp dây phục vụ phương pháp hàn Fluxcore. Một số dự án chuyển tiếp từ năm 2019 sang năm 2020 tiếp tục triển khai như Máy Tách mặt bích thủy lực & Máy khoan từ chạy khí; Máy nén khí chạy dầu 12 bar; Máy hàn và bộ cấp dây hàn phục vụ phương pháp hàn Fluxcore; Máy hàn TIG

(bổ sung); Thiết bị xiết bulong thủy lực; Máy nén khí chạy dầu 9 bar và Máy xịt rửa áp lực cao; Máy bắn cắt, phun sơn; Máy phát điện 200 kVA/ 350 kVA/ 500 kVA; Máy cắt và vát mép ống; Thiết bị đo lường, kiểm tra, chạy thử; Máy toàn đạc, Máy nén khí chạy điện 9 bar; Dây chuyền thiết bị phun bi làm sạch tự động. Giá trị giải ngân công tác đầu tư trong năm 2019 là 4,23 tỷ đồng.

4.2. Công tác đầu tư Xây dựng cơ bản: Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Xưởng CKBD và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2019. Chi phí sửa chữa xây dựng cơ bản là 282 Tr.VND.

5. Tình hình thực hiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và tiền lương

5.1. Công tác tổ chức nhân sự:

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng CBCNV của Công ty là 592 người, trong đó trình độ trên đại học là 29 người, đại học và tương đương là 452 người, công nhân kỹ thuật là 105 người, lao động phổ thông là 6 người.

Trong năm 2019, được sự phê chuẩn Hội đồng quản trị, nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD của đơn vị, Công ty đã kiện toàn cơ cấu các phòng ban cụ thể như sau:

- Bổ nhiệm mới 02 phó phòng; bổ nhiệm lại 01 phó phòng; bổ nhiệm 01 tổ trưởng; 05 tổ phó.

5.2. Công tác tuyển dụng: Trong năm 2019 Công ty POS tuyển dụng mới 149 nhân sự, tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với 69 nhân sự theo nguyện vọng của người lao động; 01 người lao động nghỉ hưu. Tính từ đầu năm 2020 đến thời điểm hiện tại đã có 12 người nghỉ việc & đã tuyển dụng 11 người.

5.3. Công tác đào tạo: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, ước tính đến ngày 31/12/2019, hoạt động đào tạo của Công ty POS đã được thực hiện như sau: Số lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 2000/581 đạt 256.1% kế hoạch; Số tiền đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 3.109/ 1.841 tỷ đồng đạt 168.8% kế hoạch. Số khóa đào tạo đã tổ chức: 41/36 khóa, đạt 114% Kế hoạch; Số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 183 lượt người.

5.4. Công tác Lao động tiền lương, chế độ chính sách: Các số liệu thống kê thu nhập năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	So với năm 2018
1	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương chính sách nhà thầu (đồng/tháng)	91,141,000	99,413,000	+ 9,08 %
2	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty (đồng/tháng)	26.924.000	26.822.000	- 0,38%
3	Thu nhập thấp nhất (đồng/tháng)	6,000,000	6,000,000	0%

Thực hiện việc mua sắm trang thiết bị văn phòng và mua sắm khác theo đúng các quy trình mua sắm và quy định hiện hành của Công ty và Tổng Công ty.

6. Tình hình thực hiện công tác quản lý hệ thống, an toàn chất lượng vệ sinh môi trường:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí có xác suất rủi ro cao và với những yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường (CL-ATSKMT), Công ty luôn ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý an toàn cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty liên tục thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong các đợt đánh giá nội bộ, bên ngoài, thường xuyên rà soát và hoàn thiện các tài liệu quản lý CL-ATSKMT phù hợp với hoạt động SXKD thực tế, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2005, hệ thống quản lý an toàn cho sà lan nhà ở theo Bộ luật ISM và hệ thống an ninh theo bộ ISPS, chứng nhận hệ thống theo Công ước lao động hàng hải MLC 2006 cho sà lan nhà ở PTSC Offshore 1, Chứng nhận đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn ASME về quản lý, thiết kế, chế tạo, kiểm tra lò hơi, bình, bồn chịu áp lực.

Trong năm 2019, Công ty thực hiện công tác SXKD (*Điền hình là các dự án trong và ngoài nước như SVDN T&I, E1, PP4, SS7, Long Phú 1, Thay xích neo giàn DDH, AI Shaheen giai đoạn 02, NARS, Long Sơn và các dự án O&M cho các khách hàng BDPOC, PCVL, CLJOC, KNOC...*) đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI=0), không có tai nạn cháy nổ cũng như tai nạn hay thiệt hại về con người. Các chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với quy định của Công ty, khách hàng và pháp luật.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty POS đạt được trên 24 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1) Thuận lợi:

Công ty POS tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và hỗ trợ mạnh mẽ của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các Đơn vị bạn.

Tập thể lãnh đạo của Công ty POS đoàn kết, đội ngũ CBCNV trẻ, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

Kinh nghiệm thực tiễn được đúc rút trong quá trình thực hiện các dự án từ các năm trước đây cũng là một lợi thế để Công ty triển khai thành công các dự án trong năm 2020.

2) Khó khăn:

Giá dầu từ đầu năm 2020 giảm sâu xuống mức thấp nhất trong vòng nhiều năm trở lại đây và tiếp tục biến động khó lường, dẫn đến nhà thầu chưa tái khởi động các dự án phát triển mở năm 2020 tại Việt Nam.

Công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với Công ty POS như: Các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần, các vấn đề về chế độ chính sách khi đưa người lao động làm việc tại nước ngoài...

Các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty POS.

Nguồn nhân lực về quản lý, kỹ thuật liên quan đến công tác SXKD đôi khi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của công việc.

Chính sách thuế nhà thầu (Thuế GTGT + thuế TNDN nhà thầu) còn nhiều bất cập, dẫn đến Công ty POS không có lợi thế cạnh tranh đối với nhà thầu phụ nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ NĂM 2020

Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể năm 2020 như sau:

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu		
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	84,95
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90,28
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	72,27
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	163,89
II	Các dự án chuẩn bị đầu tư		
	Nội tệ	Tỷ đồng	75,85
	Ngoại tệ	Tr USD	0,00

III. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2019, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Công ty xác định mục tiêu hoạt động năm 2020 như sau:

- Phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
 - Doanh thu **3.482,99 tỷ VNĐ**
 - Lợi nhuận trước thuế: **90,28 tỷ VNĐ**
 - Nộp Ngân sách nhà nước: **163,89 tỷ VNĐ**
- Tập trung tối đa nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020; đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của POS trong những năm tiếp theo. Tuân thủ đúng các Quy định hiện hành trong mọi hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục triển khai an toàn chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyên, lắp đặt, đấu nối công trình biển, công trình công nghiệp trên bờ năm 2019 đang triển khai và chuyển tiếp sang năm 2020, đồng thời thực hiện tốt các công tác chuẩn bị để tham gia và thắng thầu các dự án tiềm năng trong năm 2020 và những năm tiếp theo. Tổ chức thực hiện tốt dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí như CLJOC, PVEP POC, KNOC, BDPOC, JVPC ... Giữ vững thị phần dịch vụ

cung ứng lao động khai thác dầu khí cho các khách hàng truyền thống như JVPC, KNOC, CLJOC...

4. Quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả Sà lan nhà ở 300 chỗ (POS 1) và Sà lan vận chuyển 5000 tấn (PTSC 01). Đẩy mạnh công tác Marketing tìm kiếm và mở rộng thị trường dịch vụ.
5. Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD tại Đơn vị. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư nhằm đảm bảo nhanh chóng hoàn thành đầu tư và sớm đưa vào khai thác sử dụng, nâng cao hiệu quả SXKD.
6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng mới Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tại Đơn vị, cải tiến quá trình làm việc, thực hiện triệt để các Chỉ thị, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động trong năm 2020 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý trong các hoạt động SXKD dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Đơn vị khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.
7. Hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ; bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Đơn vị, phát huy tính độc lập, tự chủ, năng động và kỷ luật trong giai đoạn phát triển mới. Tiếp tục duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn mới ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 17025, ISM code, ISPS code, MLC 2006, và tiêu chuẩn ASME, đồng thời tiếp tục soát xét các quy trình để chuyển đổi tiêu chuẩn OHSAS 18001: 2007 sang phiên bản mới ISO 45001: 2018. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.
8. Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD dịch vụ.
9. Thực hiện khen thưởng kịp thời, tăng cường kỷ luật; đảm bảo các chế độ, chính sách để người lao động an tâm công tác. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa doanh nghiệp PTSC, đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết góp phần hoàn thành mục tiêu chung.
10. Sẵn sàng tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi được Tổng công ty giao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU SXKD NĂM 2020

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của năm 2020 nói trên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị, Công ty đề ra các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Giải pháp về tổ chức, quản lý doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và cải tiến hệ thống Quản lý sát thực với hoạt động của Công ty, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2005, ISM code, ISPS code, MLC 2006, ASME.

Thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật hiện có nhằm cắt giảm chi phí tới mức hiệu quả nhất. Cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết. Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu tư để đảm bảo tránh thất thoát lãng phí.

Tiếp tục nâng cao được năng lực tự thực hiện dịch vụ, ví dụ dịch vụ thiết kế trong lĩnh vực thi công hàng hải, sử dụng và vận dụng hiệu quả các nguồn lực và phần mềm thiết kế đã được đầu tư.

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức sắp xếp lại nguồn lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tận dụng hợp lý tối đa nguồn lực có sẵn để thực hiện các dự án, hạn chế nhân sự thuê ngoài. Áp dụng linh hoạt và hiệu quả quy chế lương thưởng, hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm khuyến khích động viên kịp thời người lao động.

Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác cung cấp nhân lực sẵn có để sẵn sàng thuê, sử dụng khi nhân sự của POS thiếu do phải thực hiện nhiều dự án cùng thời điểm.

Tiếp tục đào tạo cho người lao động các kỹ năng ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng quản lý cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát lại các nhu cầu đào tạo, tăng cường công tác đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, chuyên môn tại nơi làm việc.

3. Giải pháp về marketing, tìm kiếm thị trường và triển khai dịch vụ

Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài. Xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing đồng bộ, tổng thể và dài hạn cả về chính sách giá, chất lượng dịch vụ, quan hệ khách hàng, thị trường trong và ngoài nước ... để phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty POS và tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với nền kinh tế thời mở của hiện nay.

Tiếp tục tích cực tìm kiếm công việc ở các lĩnh vực dịch vụ chính là Xây lắp công trình biển, Xây dựng các công trình phụ trợ cho các công trình dầu khí, xây dựng công trình dầu khí và công trình công nghiệp trên bờ như các nhà máy lọc dầu, điện, đạm ...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ, phát triển thị trường trong khu vực, tối ưu hóa thời gian hoạt động của Sà lan nhà ở ra thị trường khu vực Đông Nam Á đặc biệt là Myanmar, Indonesia, Brunei và các nước có Monsoon trái với Việt Nam như Ấn độ, Úc...

Chú trọng hơn nữa vào việc nghiên cứu các quy định của Tổ chức kinh tế Thế giới WTO, TPP, các quy định của nhà nước liên quan đến lĩnh vực Dầu khí để tư vấn cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty và đề xuất cách vận dụng các quy định phù hợp với tình hình thực tế của POS. Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài. Xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing đồng bộ, tổng thể và dài hạn cả về chính sách giá, chất lượng dịch vụ, quan hệ khách hàng, thị trường trong và ngoài nước... để phù hợp với chiến lược phát triển của POS và tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với nền kinh tế thời mở của hiện nay.

4. Giải pháp về đầu tư:

Rà soát các hạng mục đầu tư, Tiếp tục thực hiện các gói đầu tư năm 2019 chuyển tiếp sang năm 2020 và triển khai các dự án đầu tư mới năm 2020 thực sự hiệu quả vào thời điểm thích hợp để đáp ứng kịp thời hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty POS.

5. Giải pháp về thi đua khen thưởng:

Duy trì phong trào POS star, Phong trào Kaizen, Phong trào HSE. Tổng kết và tổ chức trao giải kịp thời để phát huy tính tích cực các cá nhân, điển hình tiêu biểu.

Duy trì các hoạt động team building trong từng bộ phận, giữa các Đơn vị trong và ngoài Công ty. Ban lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban xưởng phải là tấm gương về sự năng động, công tâm, làm việc hết mình vì tập thể.

GIÁM ĐỐC



Dương Hùng Văn

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.



Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY POS

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (POS) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, được thành lập và chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Sau 09 năm đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty POS đã dần đi vào hoạt động ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra, giám sát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2020 của Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

PHẦN I - KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty POS được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 (ĐHĐCĐ) thông qua nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 03 thành viên không chuyên trách:

1. Ông Nguyễn Văn Bảo – Trưởng ban Kiểm soát
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Trần Thị Minh Hương – Thành viên Ban kiểm soát.

Kể từ ngày 05/03/2019, theo nguyện vọng cá nhân, bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền đã có đơn xin từ nhiệm, không tham gia vào các hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có trách nhiệm: Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của công ty; Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty; Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế, quy định của Tổng công ty và công ty; Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên năm 2019

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty; Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019;



- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp;
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2019. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, đã tổ chức các cuộc họp trong năm vào hàng Quý.

Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Tổng công ty PTSC và các cổ đông khác.

Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch công việc cá nhân đã được Ban kiểm soát đề ra.

Từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công công tác với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng. Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát cụ thể như Phụ lục đính kèm.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp (trực tiếp và lấy ý kiến qua Email), nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Lần 1: Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019; Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018; Báo cáo kiểm tra, giám sát quý 01/2019 của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 02/2019.
- Lần 2: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 02/2019 của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 03/2019.
- Lần 3: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 03/2019 của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 04/2019.
- Lần 4: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 04/2019 và cả năm 2019 của Ban kiểm soát, thông qua bản Xây dựng kế hoạch công việc cá nhân của các thành viên Ban kiểm soát và phân công công việc quý 01/2020

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

Thù lao của BKS năm 2019: Đối với các thành viên BKS không chuyên trách, mức thù lao là 2.000.000 VNĐ/người/tháng, đối với Trưởng BKS không chuyên trách là 3.000.000 VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm 2019	Thu nhập từ thưởng BDH	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bảo	Trưởng BKS	36.000.000	15.000.000	
2	Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	12.000.000		Nghỉ chế độ thai sản 06 tháng, nhận thù lao 02 quý trong năm

Chi phí hoạt động của BKS năm 2019: Áp dụng theo định mức của công ty và quy định hiện hành.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Trong năm 2019, giá dầu thô bình quân phục hồi và giao động từ 60-65 USD/thùng, tuy nhiên hoạt động của lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tiếp tục gặp nhiều khó khăn do trữ lượng, tiềm năng dầu khí không nhiều như mong đợi, điều kiện triển khai các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở trong nước phải thực hiện ở vùng sâu và xa bờ trên biển Đông, sản lượng dầu khí ở các mỏ chủ lực đang trong giai đoạn suy giảm.. Trong tình hình khó khăn chung như đã nêu, ngay từ đầu năm HĐQT đã cùng Ban điều hành luôn bám sát thực tế công việc, quyết liệt triển khai các giải pháp tăng cường công tác quản lý, hợp lý hóa sản xuất để tiết giảm chi phí và gia tăng lợi nhuận, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, rà soát các định mức cũng như tham gia tối đa công tác đấu thầu để tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài ... nhằm đạt được kế hoạch đề ra.

Kết thúc năm 2019, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Công ty mẹ giao, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00 (trong đó 84.95% của TCT PTSC)	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.225,24	1.471,52	120,10%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	14,12	46,58	329,89%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	11,30	34,08	301,59%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	64,49	107,39	166,52%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	1,56%	4,56%	292,39%

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2019:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018
I.	Cơ cấu tài sản			
1.	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	96,31%	96,73%
2.	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	3,69%	3,27%
II.	Cơ cấu nguồn vốn			
1.	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	33,01%	30,85%
2.	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	66,99%	69,15%
III.	Khả năng thanh toán			
1.	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,81	3,21
2.	Khả năng thanh toán hiện hành (ngắn hạn)	Lần	2,97	3,28
IV.	Tỷ suất sinh lời			
1.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	8,52%	3,63%
2.	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng Doanh thu	%	3,17%	2,11%
3.	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu	%	2,32%	1,15%
4.	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,56%	1,94%
5.	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	3,06%	1,34%

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, không biến động nhiều so với cùng kỳ năm trước.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu do phát sinh chi phí trích trước ngắn hạn cho các dự án HUC Sao Vàng Đại Nguyệt, dự án Tháo, kéo giàn Đại Hùng 01.
- Hệ số nợ/Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 là 33.01%, ở mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Chỉ số khả năng thanh toán thấp hơn cùng kỳ năm ngoái do tăng hàng tồn kho phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của ngành, các chỉ số khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành cho thấy công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ, đảm bảo an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Công ty bảo toàn được Vốn Chủ sở hữu: Nguồn Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019 là 747,08 tỷ đồng /Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2018 là 748,40 tỷ đồng.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 234% so với năm 2018 dẫn đến các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời đều tăng mạnh so với năm 2018.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình thị trường, Công ty POS đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	So sánh
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99	1.471,52	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28	46,58	236,69%
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27	34,08	212,06%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	163,89	107,39	152,61%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	So sánh
6	Tỷ suất lợi nhuận ST/VCSH	%	9,25%	4,56%	202,85%
7	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	72,27	38,34	188,50%
+	Chia cổ tức	Tỷ đồng	56,00	28,00	200,00%
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	15,40	9,74	158,11%
+	Quỹ thưởng Ban điều hành	Tỷ đồng	0,87	0,60	145,00%

* Lợi nhuận được phân phối năm 2019 (38,34 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2019: 34,08 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây chuyển sang: 4,26 tỷ đồng;

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2019 kết thúc tại ngày 31/12/2019, kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Tình hình thực hiện kế hoạch về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch. Các chỉ số tài chính ổn định; Tình hình tài chính năm 2019 của công ty lành mạnh.
- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRONG NĂM 2019 VỀ CÔNG TÁC RÀ SOÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA CÔNG TY

Về kiểm soát quản lý, trong năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro thông qua việc rà soát lại các chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro. Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình tương đối đầy đủ trong đó có chứa đựng các cơ chế kiểm soát và các quy trình này được thực thi tạo điều kiện cho cơ chế kiểm soát được vận hành một cách hữu hiệu. Tất cả các hoạt động (công tác đấu thầu, công tác quản lý dự án), các quy trình hiện tại của công ty đều thực hiện đánh giá rủi ro theo Quy trình quản lý rủi ro.

Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động định kỳ liên quan đến giám sát tính minh bạch trong các hoạt động thanh toán, mua sắm vật tư, giám sát công tác thực hiện dự án, giám sát công nợ....

Về kiểm soát kế toán, Ban kiểm soát thực hiện soát xét các báo cáo, số liệu tài chính nội bộ cũng như tính chính xác của các số liệu báo cáo. Kết quả soát xét báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại thời điểm 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA ĐƠN VỊ TRONG KỲ CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC

Trong năm 2019, Công ty đã tiếp đoàn kiểm tra của cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kiểm tra kỳ thuế năm 2018. Qua kiểm tra có phát hiện một số hành vi kê khai chưa đúng liên quan đến thuế TNCN, thuế GTGT đầu vào. Công ty đã thực hiện khắc phục, chấn chỉnh kịp thời các sai sót và nộp ngay số tiền thuế nợ đọng vào NSNN.

Bên cạnh đó, trong năm 2019 công ty cũng tiếp đoàn kiểm tra của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Qua rà soát, kiểm tra công ty được Đoàn kiểm tra kết luận thuộc diện được đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan và có tinh thần thái độ hợp tác trong quá trình kiểm tra.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong năm 2019 đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Các Thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. HĐQT đã thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 12 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 19 văn bản trong đó có 11 nghị quyết và 08 quyết định.

Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách đề tháo gỡ khó khăn; giảm giá thành và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài; nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty cũng đã tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực.

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của

Công ty; Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc nội dung kiểm tra, kiểm soát năm 2019 để phối hợp. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đã thẩm định báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, lập báo cáo Tài chính hàng quý, của Ban kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận. Năm 2020 tiếp tục sẽ rất khó khăn trong hoạt động thăm dò khai thác dầu khí ngoài khơi và áp lực cạnh tranh rất lớn, cũng như những khó khăn, thách thức vô cùng lớn khi phải đương đầu với tác động kép là đại dịch Covid -19 lan rộng tác động nặng nề đến nhiều nền kinh tế, kèm giá dầu lao dốc mạnh, do đó Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty tiếp tục nỗ lực khắc phục các khó khăn, đề ra các giải pháp, biện pháp quyết liệt để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư và triển khai thực hiện để tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo.

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty trình Đại hội.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty.

PHẦN II - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ ĐHCĐ năm 2020 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty và của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

- Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát năm 2020.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.



Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Phụ lục: Báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Bảo – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã điều hành chung các công việc giám sát của Ban kiểm soát.
- Đã giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc Công ty, giám sát thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đã phối hợp với các cơ quan chức năng Nhà nước, với kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra, kiểm toán Công ty.
- Đã tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời các kế hoạch hoạt động từng Quý của HĐQT trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

2. Bà Trần Thị Minh Hương – thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách

- Đã kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Đã kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ, các khoản công nợ trong nội bộ và ngoài Công ty.
- Đã xem xét sổ kế toán về số liệu sản xuất kinh doanh và các hợp đồng kinh tế, các tài liệu khác của Công ty liên quan đến các công việc quản lý, điều hành của Công ty để kiểm soát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của Công ty
- Đã thẩm định báo cáo tài chính năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.



Số: 07 /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định nội dung sau:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019
1	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	400.000
2	Tổng Tài sản	Triệu đồng	1.115.262
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.471.517
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	46.577
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	34.079

Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán chi tiết như đính kèm.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN
PTSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
65A Đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trường	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08 tháng 10 năm 2019)
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

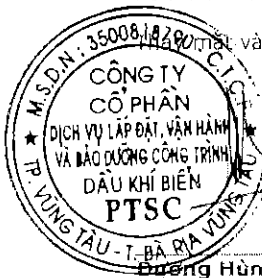
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đã ký và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Số: 0575 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tú

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Hồng Quân
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2758-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.074.100.416.635	1.046.866.913.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	117.005.468.356	52.899.331.847
1. Tiền	111		77.005.468.356	32.899.331.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		522.070.000.000	509.470.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	522.070.000.000	509.470.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.208.645.185	392.596.255.625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	270.706.155.410	335.761.399.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.122.884.110	11.723.927.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	56.379.605.665	45.110.928.713
IV. Hàng tồn kho	140	8	57.570.409.809	22.018.365.895
1. Hàng tồn kho	141		57.570.409.809	22.018.365.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.245.893.285	69.882.959.680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.002.854.037	3.403.274.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.243.039.248	66.479.685.551
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.161.763.369	35.429.030.680
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.095.000.000	2.095.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.095.000.000	2.095.000.000
II. Tài sản cố định	220		26.890.404.161	24.405.956.155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	23.198.994.832	20.646.269.593
- Nguyên giá	222		823.775.472.320	817.965.123.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(800.576.477.488)	(797.318.853.432)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.691.409.329	3.759.686.562
- Nguyên giá	228		16.311.377.800	14.826.377.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.619.968.471)	(11.066.691.238)
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.176.359.208	8.928.074.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.892.897.242	220.641.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	7.283.461.966	8.707.432.858
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.115.262.180.004	1.082.295.943.727

22-
H
Y
UH
TE
M
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

MÃ SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		368.182.273.736	333.894.921.539
I. Nợ ngắn hạn	310		361.175.125.747	318.890.966.056
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	176.115.457.676	163.137.261.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.406.829.391	26.415.777.005
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	25.715.261.919	5.116.039.980
4. Phải trả người lao động	314		14.092.324.097	15.488.011.807
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	57.773.322.693	41.126.969.016
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	18.400.062.720	23.204.261.151
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	30.716.218.298	32.540.042.355
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	11.417.985.483	8.635.484.902
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.537.663.470	3.227.118.470
II. Nợ dài hạn	330		7.007.147.989	15.003.955.483
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	6.211.147.989	11.417.985.483
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		796.000.000	3.585.970.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		747.079.906.268	748.401.022.188
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	747.079.906.268	748.401.022.188
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		308.742.964.235	308.742.964.235
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.336.942.033	39.658.057.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.258.057.953	25.122.141.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.078.884.080	14.535.916.821
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.115.262.180.004	1.082.295.943.727

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu

Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng

Đương Hùng Văn
Giám đốc


Ngày 27 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		1.424.402.277.675	1.222.295.761.452
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	1.424.402.277.675	1.222.295.761.452
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	1.336.614.981.565	1.161.229.896.254
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		87.787.296.110	61.065.865.198
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	38.065.842.613	43.581.887.308
6. Chi phí tài chính	22	25	2.039.269.305	2.002.040.662
7. Chi phí bán hàng	25	26	17.063.182.884	13.881.065.138
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	63.134.616.236	58.645.362.296
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		43.616.070.298	30.119.284.410
10. Thu nhập khác	31		9.049.224.111	1.853.483.475
11. Chi phí khác	32		6.088.128.833	5.161.462.890
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40	28	2.961.095.278	(3.307.979.415)
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		46.577.165.576	26.811.304.995
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	11.074.310.604	7.931.826.680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	1.423.970.892	4.343.561.494
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		34.078.884.080	14.535.916.821
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	667	178


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng




Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.577.165.576	26.811.304.995
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.272.199.909	11.006.495.662
Các khoản dự phòng	03	(2.424.336.913)	(26.298.843.715)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.300.107.963)	(1.418.503.194)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(33.352.354.097)	(31.866.022.883)
Các điều chỉnh khác	07	(2.789.970.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.982.596.512	(21.765.569.135)
Thay đổi các khoản phải thu	09	91.600.837.390	285.892.423.170
Thay đổi hàng tồn kho	10	(35.552.043.914)	37.669.278.214
Thay đổi các khoản phải trả	11	38.035.097.239	(295.329.580.471)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.271.835.483)	(832.641.747)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.010.513.295)	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.089.455.000)	(10.301.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.694.683.449	(9.667.729.969)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(11.794.134.196)	(4.182.310.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.600.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	27.599.490.060	19.945.116.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.205.355.864	23.762.806.156
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.922.438.000)	(32.256.791.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.922.438.000)	(32.256.791.388)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	63.977.601.313	(18.161.715.201)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.899.331.847	71.198.289.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	128.535.196	(137.242.659)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	117.005.468.356	52.899.331.847

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu

Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng

Đương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PTSC").

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, với mã chứng khoán "POS".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 591 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 512 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

00.
ANH
TY
HỮU
TI
AM
COC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ mà công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn là chi phí bản quyền phần mềm.

Chi phí bản quyền phần mềm được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính đó.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích theo tỷ lệ tối đa 10% trên thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc trích lập và sử dụng quỹ được thực hiện theo chính sách của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp pháp cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	328.981.194	206.431.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.676.487.162	32.692.899.974
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	20.000.000.000
	<u>117.005.468.356</u>	<u>52.899.331.847</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4,8%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất được hưởng từ 5,1%/năm đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn bên thứ ba		
- Marsol Offshore Construction LLC	18.847.688.475	33.959.802.879
- Japan Vietnam Petroleum Company Limited	25.082.096.600	11.645.120.300
- Phải thu khách hàng khác	125.627.446.642	189.581.551.910
b. Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	101.148.923.693	100.574.923.981
	270.706.155.410	335.761.399.070

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	14.529.496.853	468.599.542
Lãi tiền gửi dự thu	23.398.258.712	17.607.908.394
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty PTSC	8.763.690.382	8.624.528.093
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.020.412.256	17.756.109.123
Phải thu ngắn hạn khác	1.667.747.462	653.783.561
	56.379.605.665	45.110.928.713

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.985.852.619	5.509.086.937
Công cụ, dụng cụ	16.598.990.891	16.080.492.129
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	35.985.566.299	428.786.829
	57.570.409.809	22.018.365.895

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí liên quan đến nguyên vật liệu, máy móc và chi phí dịch vụ mua ngoài của các dự án dở dang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án NCS 2	1.686.169.920	-
Dự án Long Sơn	1.000.435.370	-
Dự án SVĐN PL	1.511.716.455	-
Dự án SVĐN FPSO	1.140.618.115	-
Chi phí dự án Long Phú	1.223.888.705	-
Dự án E1 cho JPVC - Chế tạo GLS	79.890.000	-
Dự án GALLAF cho Qatar	29.342.847.734	46.312.325
Dịch vụ cung cấp cho Biển Đông	-	17.200.000
Dự án HUC Sao vàng Đại Nguyệt (PMC)	-	3.285.455
Dự án T&I Sao Vàng Đại Nguyệt (PMC)	-	54.869.914
Cung cấp dịch vụ cho Thăng Long JOC	-	307.119.135
	35.985.566.299	428.786.829

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	49.559.832.756	100.777.879.002	651.931.711.732	15.695.699.535	817.965.123.025
Mua mới trong năm	-	9.454.348.196	-	854.786.000	10.309.134.196
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.062.630.901)	-	(436.154.000)	(4.498.784.901)
Số dư cuối năm	49.559.832.756	106.169.596.297	651.931.711.732	16.114.331.535	823.775.472.320
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	38.876.267.074	93.095.268.547	649.881.251.518	15.466.066.293	797.318.853.432
Khấu hao trong năm	1.125.016.152	5.309.479.039	1.123.388.004	161.039.481	7.718.922.676
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.025.144.620)	-	(436.154.000)	(4.461.298.620)
Số dư cuối năm	40.001.283.226	94.379.602.966	651.004.639.522	15.190.951.774	800.576.477.488
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	10.683.565.682	7.682.610.455	2.050.460.214	229.633.242	20.646.269.593
Tại ngày cuối năm	9.558.549.530	11.789.993.331	927.072.210	923.379.761	23.198.994.832

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 778.089.008.789 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 760.774.722.594 đồng).

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	14.826.377.800
Tăng trong năm	<u>1.485.000.000</u>
Số dư cuối năm	<u>16.311.377.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	11.066.691.238
Khấu hao trong năm	<u>1.553.277.233</u>
Số dư cuối năm	<u>12.619.968.471</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>3.759.686.562</u>
Tại ngày cuối năm	<u>3.691.409.329</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.927.367.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.287.957.801 đồng).

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Doanh thu chưa thực hiện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	6.316.184.149	3.529.375.930	3.205.434.273	13.050.994.352
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(5.479.768.744)	1.111.476.300	24.730.950	(4.343.561.494)
Số dư đầu năm nay	<u>836.415.405</u>	<u>4.640.852.230</u>	<u>3.230.165.223</u>	<u>8.707.432.858</u>
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(484.867.383)	(960.839.684)	21.736.175	(1.423.970.892)
Số dư cuối năm nay	<u>351.548.022</u>	<u>3.680.012.546</u>	<u>3.251.901.398</u>	<u>7.283.461.966</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Thương Mại Kỹ Thuật M.T	7.805.304.123	8.137.825.633
- McDermott Asia Pacific Sdn. Bhd.	7.407.961.049	16.555.047.169
- Phải trả người bán khác	119.488.141.937	117.703.744.017
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	41.414.050.567	20.740.644.551
	<u>176.115.457.676</u>	<u>163.137.261.370</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.616.391.558	11.074.310.604	8.010.513.295	5.680.188.867
Thuế thu nhập cá nhân	1.809.506.905	32.209.647.448	31.304.163.625	2.714.990.728
Thuế nhà thầu	690.141.517	61.283.926.297	44.653.985.490	17.320.082.324
	5.116.039.980	104.567.884.349	83.968.662.410	25.715.261.919

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí quản lý	-	3.957.341.665
Trích trước chi phí dự án	42.377.199.098	15.905.065.319
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	14.646.973.107	20.246.000.000
Trích trước chi phí khác	749.150.488	1.018.562.032
	57.773.322.693	41.126.969.016

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án TOPAZ LPS	2.091.875.000	2.091.875.000
Dự án SVĐN HUC	9.354.611.269	-
Dự án Gallaf	6.953.576.451	-
Dự án SVĐN T&I	-	21.112.386.151
	18.400.062.720	23.204.261.151

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	197.212.368	121.456.243
Kinh phí công đoàn	1.049.742.410	-
Thuế TNCN phải nộp	2.864.587.520	3.435.460.391
Thuế nhà thầu phải nộp	-	933.829.203
Cổ tức phải trả	1.292.172.500	1.214.610.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.312.503.490	26.834.686.018
	30.716.218.288	32.540.042.355

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Dự án MV 17	-	8.635.484.902
- Dự án GPP Dinh Cố	6.829.445.503	-
- Dự án PLD Rosneft	2.152.197.037	-
- Dự án PLD SS7	2.436.342.943	-
	11.417.985.483	8.635.484.902
b. Dài hạn		
- Dự án GPP Dinh Cố	-	6.829.445.503
- Dự án PLD Rosneft	-	2.152.197.037
- Dự án PLD SS7	-	2.436.342.943
- Dự án E1 JVPC	2.878.019.943	-
- Dự án HUC SVĐN	1.132.640.772	-
- Dự án Subsea 7	957.472.721	-
- Dự án PP4	1.243.014.553	-
	6.211.147.989	11.417.985.483

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	308.742.964.235	65.622.141.132	774.365.105.367
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.535.916.821	14.535.916.821
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(8.500.000.000)	(8.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	39.658.057.953	748.401.022.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	34.078.884.080	34.078.884.080
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(7.400.000.000)	(7.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	38.336.942.033	747.079.906.268

Tại ngày 25 tháng 4 năm 2019, theo Nghị Quyết số 09/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức của năm 2018 và trích lập các quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2018 với số tiền lần lượt là 28.000.000.000 đồng và 7.400.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn đã góp
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Số đầu năm và số cuối năm VND
PTSC	33.980.700	85%	339.807.000.000	339.807.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4.000.000	10%	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ đông khác	2.019.300	5%	20.193.000.000	20.193.000.000
	40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>1.023.426</u>	<u>522.660</u>

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình đầu khí biển, cung ứng hàng hóa và nhân lực. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22 bên dưới. Công ty không lập báo cáo bộ phận cho tài sản và công nợ vì tài sản được sử dụng chung cho toàn bộ các dịch vụ và một nhà cung cấp có thể cung cấp nhiều loại dịch vụ cho Công ty.

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý vì hầu hết các hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở Việt Nam nên không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	27.164.781.761	131.125.499.968
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	40.806.338.122	153.513.999.668
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.070.267.648.821	668.322.534.826
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	221.102.278.233	211.652.429.206
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	65.061.230.738	57.681.297.784
	<u>1.424.402.277.675</u>	<u>1.222.295.761.452</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 32)</i>	763.385.904.086	410.430.386.211
<i>Doanh thu từ bên thứ ba</i>	661.016.373.589	811.865.375.241
	<u>1.424.402.277.675</u>	<u>1.222.295.761.452</u>

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	26.415.838.405	110.516.648.097
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	38.088.953.998	143.741.319.517
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.001.550.873.719	649.231.111.038
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	206.954.448.783	201.227.374.637
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	63.604.866.660	56.513.442.965
	<u>1.336.614.981.565</u>	<u>1.161.229.896.254</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	65.340.506.084	179.247.840.323
Chi phí nhân công	304.086.500.411	286.322.266.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.272.199.909	11.006.495.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.353.338.727	753.639.666.421
Chi phí khác	3.722.749.273	3.540.055.133
	<u>1.416.775.294.404</u>	<u>1.233.756.323.688</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	33.389.840.378	31.866.022.883
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.676.002.235	11.715.864.425
	<u>38.065.842.613</u>	<u>43.581.887.308</u>



25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.039.269.305	2.002.040.662

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	13.280.975.421	10.696.160.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.507.583.101	2.871.473.099
Chi phí khác	274.111.362	313.431.165
	17.063.182.884	13.881.065.138

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	822.159.080	598.877.170
Chi phí lương	39.983.163.266	33.099.864.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.170.508.743	2.285.347.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.864.242.958	22.084.644.367
Chi phí khác	1.294.542.189	576.628.803
	63.134.616.236	58.645.362.296

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản	-	914.733.636
Thu nhập từ bồi thường	4.546.389.760	-
Hoàn nhập quỹ Phát triển khoa học công nghệ	2.245.470.000	-
Các khoản khác	2.257.364.351	938.749.839
Thu nhập khác	9.049.224.111	1.853.483.475
Chi phí khác	6.088.128.833	5.161.462.890
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	2.961.095.278	(3.307.979.415)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	46.577.165.576	26.811.304.995
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí trích trước	25.519.917.188	19.617.807.470
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.314.304.633	32.465.635.864
Thu nhập tính thuế	55.371.553.021	39.659.133.389
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	55.371.553.021	39.659.133.389
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.074.310.604	7.931.826.680

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2018: 20%) trên thu nhập tính thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.078.884.080	14.535.916.821
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	7.400.000.000	7.400.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.678.884.080	7.135.916.821
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	667	178

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.005.468.356	52.899.331.847
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	522.070.000.000	509.470.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	313.004.633.114	381.943.710.324
	952.080.101.470	944.313.042.171
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	176.115.457.676	163.137.261.370
Chi phí phải trả	57.773.322.693	41.126.969.016
Dự phòng phải trả	17.629.133.472	20.053.470.385
	251.517.913.841	224.317.700.771

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>47.764.689.126</u>	<u>89.181.058.732</u>	<u>9.128.282.626</u>	<u>42.646.496.264</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>(772.728.130)</u>	<u>(930.691.249)</u>

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.005.468.356	-	117.005.468.356
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	522.070.000.000	-	522.070.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	310.909.633.114	2.095.000.000	313.004.633.114
	949.985.101.470	2.095.000.000	952.080.101.470
Phải trả người bán	176.115.457.676	-	176.115.457.676
Chi phí phải trả	57.773.322.693	-	57.773.322.693
Dự phòng phải trả	11.417.985.483	6.211.147.989	17.629.133.472
	245.306.765.852	6.211.147.989	251.517.913.841
Chênh lệch thanh khoản thuần	704.678.335.618	(4.116.147.989)	700.562.187.629
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.899.331.847	-	52.899.331.847
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	509.470.000.000	-	509.470.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.848.710.324	2.095.000.000	381.943.710.324
	942.218.042.171	2.095.000.000	944.313.042.171
Phải trả người bán	163.137.261.370	-	163.137.261.370
Chi phí phải trả	41.126.969.016	-	41.126.969.016
Dự phòng phải trả	8.635.484.902	11.417.985.483	20.053.470.385
	212.899.715.288	11.417.985.483	224.317.700.771
Chênh lệch thanh khoản thuần	729.318.326.883	(9.322.985.483)	719.995.341.400

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC	PTSC - Ban Xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Supply Base	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Marine	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	PTSC - Hà Nội	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	PTSC Thanh Hóa	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai-Bến Đình	PVSB	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	PTSC PPS	Thành viên PTSC
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific	PTSC AP	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	PTSC G&S	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Long Phú	PTSC - Ban QLDA NB Long Phú	Thành viên PTSC



Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	PV Coating	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	PVD Training	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC-MS	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	PVC	Thành viên PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	BIENDONGPOC	Thành viên PVN
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	NCSP	Thành viên PVN
Công ty TNHH DV Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	PVD Offshore	Thành viên PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	PVMR Corp	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Petrosetco	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	PV Drilling	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PV Trans	Thành viên PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	PV Gas	Thành viên PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	PVEP	Thành viên PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	PV Engineering	Thành viên PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	PVMTC	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần và Dịch vụ Kỹ thuật Đường biển Thái Bình Dương	Pacitech	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	EIC	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Doanh thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	3.002.326.250	150.572.237.538
PTSC M&C	671.829.911.447	106.466.728.339
PTSC - Marine	77.306.510	2.994.720.058
PTSC - Supply Base	-	187.500.000
PTSC Thanh Hóa	4.179.330.953	4.980.287.771
PTSC - Ban QLDA NĐ Long Phú	-	18.068.308.115
PTSC - PPS	15.500.000	42.750.000
Các thành viên thuộc PVN		
PVEP	40.407.292.238	115.586.861.460
BIENDONGPOC	9.113.147.336	10.405.744.230
NCSP	443.670.700	1.125.248.700
	<u>729.068.485.434</u>	<u>410.430.386.211</u>
Mua hàng		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Đà Nẵng	11.617.273	559.000.000
PTSC - Hà Nội	-	72.107.750
PTSC Hotel	3.046.934.909	2.302.043.124
PTSC PPS	-	4.617.617.505
PTSC	31.769.275	5.340.066.085
PTSC - Marine	41.419.490.108	31.204.596.865
PTSC - Supply Base	28.340.331.288	28.529.210.611
PTSC M&C	12.827.234.442	1.000.476.726
PTSC G&S	5.927.250.000	5.468.913.400
PTSC Thanh Hóa	247.100.000	310.989.000
PV Shipyard	2.287.904.123	4.612.269.750
PVSB	5.227.928.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Mua hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
PTSC – Ban QLDA NĐ Long Phú	752.792.118	-
PTSC – Ban Xây dựng	249.338.000	-
Các thành viên thuộc PVN		
PVN	268.113.050	358.913.948
PVEP	88.650.602.040	8.185.800
PVD Training	803.886.250	1.046.740.000
PV Drilling	-	340.639.000
Petrosetco	2.991.119.000	1.118.191.200
PV Engineering	-	1.089.628.110
PVMTC	-	425.755.000
PV Trans	12.786.163.190	-
PSI	291.002.300	-
PVC-MS	1.384.651.476	9.012.165.389
PVI Phía Nam	3.105.069.683	2.499.960.580
PVI Vũng Tàu	5.768.600.774	4.763.653.956
Pacitech	-	1.240.526.800
EIC	-	240.539.708
PV Coating	-	2.549.680.345
	216.418.897.299	108.711.870.652
Cổ tức đã trả		
PTSC	23.786.490.000	27.184.560.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.190.146.400	5.763.769.600

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	63.026.691.381	28.193.421.668
PTSC - Marine	9.133.938	971.091
PTSC - Supply Base	206.250.000	275.000.000
PTSC M&C	20.970.644.212	45.124.045.340
PTSC Thanh Hóa	1.987.709.172	1.740.743.764
PTSC - Ban QLDA NĐ Long Phú	467.197.119	10.278.336.628
PTSC PPS	-	47.025.000
Các thành viên thuộc PVN		
BIENDONGPOC	1.090.589.500	1.541.519.298
NCSP	-	21.150.800
PVEP	13.390.708.371	13.339.411.738
PVI Phía Nam	-	13.298.654
	101.148.923.693	100.574.923.981

Các khoản phải trả		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Đà Nẵng	44.615.000	396.960.000
PTSC - Hà Nội	-	33.350.311
PTSC Hotel	1.087.513.286	1.378.925.071
PTSC M&C	4.116.102.305	160.556.750
PTSC - Supply Base	10.589.675.532	9.974.099.835
PTSC - Marine	3.938.486.692	-
PTSC PPS	253.968.964	253.968.964

002 C
NH C
TY
HUU HA
TE
AM
S CHI

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản phải trả	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
PTSC Thanh Hóa	123.200.000	186.340.000
PV Shipyard	415.500.914	1.118.509.450
PTSC	4.331.526.209	1.496.371.734
PTSC G&S	-	894.608.990
PTSC – Ban QLDA NĐ Long Phú	821.352.118	-
PTSC – Ban xây Dựng PTSC	274.271.800	-
Các thành viên thuộc PVN		
Petrosetco	-	100.000
PVI Phía Nam	315.009.198	-
PVD Training	-	372.713.000
PVC-MS	553.038.200	2.275.394.685
DQS	14.064.779.509	-
-PVMR Corp	23.880.000	-
PVI Vũng Tàu	410.165.420	271.024.321
Pacitech	-	714.829.900
EIC	50.965.420	45.479.280
PV Engineering	-	1.167.412.260
	41.414.050.567	20.740.644.551
Trả trước cho người bán		
PTSC M&C	-	9.680.290.712
PV Shipyard	7.384.212.645	-
DQS	4.688.259.836	-
	12.072.472.481	9.680.290.712
Người mua trả tiền trước		
PTSC	13.310.399.729	13.310.399.729
PTSC - Ban QLDA NĐ Long Phú	11.096.429.662	13.105.377.276
	24.406.829.391	26.415.777.005
Phải thu ngắn hạn khác		
PTSC	8.763.690.382	8.624.528.093

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 23.398.258.712 đồng (năm 2018: 17.607.908.394 đồng) là khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.292.172.500 đồng (năm 2018: 1.214.610.500 đồng) là số cổ tức còn phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

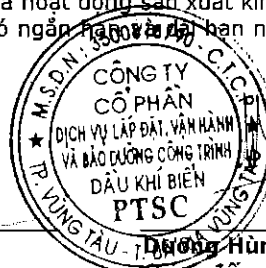
Do những diễn biến dịch bệnh COVID-19 tại Việt nam và các khu vực khác cũng như sự suy giảm giá dầu trên thế giới gần đây, tiến độ thực hiện và triển khai các dự án trong lĩnh vực dầu khí mà Công ty đang tham gia thực hiện có thể bị ảnh hưởng. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trên đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 để xây dựng các kế hoạch ứng phó ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả trong tương lai.


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng


Đặng Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Số: 09 /TTr-LĐBD-HDQT

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
và kế hoạch tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch tài chính năm 2020 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2019:

Theo Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte kiểm toán, phát hành, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2019 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH 2019/ KH 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.225,24	1.471,52	120,10%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	14,12	46,58	329,89%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	11,30	34,08	301,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	1,56%	4,56%	292,39%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ cuối năm	%	2,83%	8,52%	301,06%
7	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	11,30	38,34	301,59%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:



Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 09/NQ-LĐBD-ĐHQT được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 25/04/2019.

- Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Tuân thủ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2019 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	11,30	38,34
2	Chia cổ tức (7% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng		28,00
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng		9,74
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng		0,60
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		

* Lợi nhuận được phân phối (38,34 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2019: 34,08 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây: 4,26 tỷ đồng.

3. Kế hoạch tài chính năm 2020

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận 2020

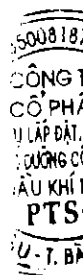
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu	:	3.482,99 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	:	90,28 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	72,27 tỷ đồng

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020:

Hội đồng quản trị đã xây dựng Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	KH 2020/ TH 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28	46,58	193,82%
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27	34,08	212,06%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	18,07%	8,52%	
5	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	72,27	38,34	188,50%
+	Chia cổ tức (14%)	Tỷ đồng	56,00	28,00	200,00%



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	KH 2020/ TH 2019
+	Quĩ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	15,40	9,74	158,11%
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,87	0,60	145,00%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong



Số: 09 /TTr-LĐBD-BKS

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định nội dung sau:

Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tiếp tục thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam vì các lý do sau đây:

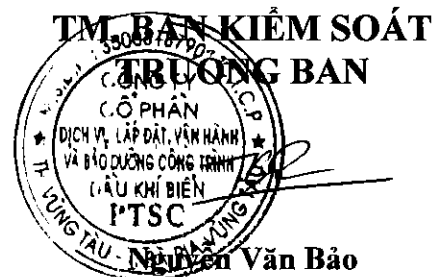
– Công ty TNHH Deloitte Việt Nam có tên trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán 2020 đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019, đây là một trong những công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam;

– Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty do Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện và đạt kết quả tốt, đảm bảo về chất lượng, thời gian, đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc;
- Lưu : VT, BKS.



Số: 10 /TTr-LĐBD-BKS

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc nhân sự Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC, liên quan đến các nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ban kiểm soát kính báo cáo một số nội dung như sau:

Ngày 05/6/2020, Công ty POS đã nhận được Đơn từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát của ông Nguyễn Văn Bảo.

Công ty POS đã triển khai các thủ tục liên quan, công bố việc tiến hành lập danh sách ứng viên và tổ chức bầu nhân sự của Ban kiểm soát đến các cổ đông theo quy định.

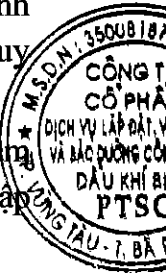
Trên cơ sở tổng hợp danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn làm Thành viên Ban kiểm soát được giới thiệu từ các cổ đông đủ điều kiện theo quy định, Công ty POS đã lập danh sách ứng viên như sau:

STT	Họ tên ứng viên	Người giới thiệu
1.	Ông Trương Trọng Huy	- Tên cổ đông: Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Số cổ phần sở hữu: 33.980.700 CP - Tỷ lệ sở hữu: 84,95% VDL - Thời gian sở hữu: liên tục trên 6 tháng

Để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ cũng như sự ổn định trong hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Chấp thuận thôi chức vụ Trưởng Ban kiểm soát và thôi tham gia Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Bảo theo Đơn từ nhiệm cá nhân.
2. Tiến hành bầu bổ sung 01 Thành viên Ban kiểm soát từ danh sách ứng viên được lập theo trình tự thủ tục quy định tại Quy chế bầu cử đã thông qua.

(Các thông tin, tài liệu liên quan chi tiết như Hồ sơ đính kèm).

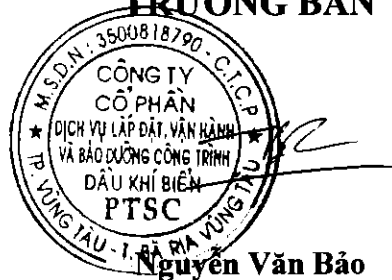


Ban kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.



Nguyễn Văn Bảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

*(Về việc thôi giữ chức Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt,
Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC)*

- Kính gửi:**
- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;
 - Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Tên tôi là Nguyễn Văn Bảo, sinh ngày 08/11/1977, là Người đại diện của Tổng công ty PTSC giữ chức Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Trong thời gian công tác tại Công ty POS, tôi đã làm việc với tinh thần tận tâm, cẩn trọng và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ do Ban kiểm soát Công ty POS giao phó. Đến nay theo chủ trương của Công ty mẹ PTSC giao cho các nhiệm vụ khác tại Tổng công ty PTSC, tôi làm đơn này xin thôi tham gia Ban kiểm soát và thôi giữ chức Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty POS.

Tôi rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát Công ty POS.

Trân trọng cảm ơn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Văn Bảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH
ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên khai sinh: TRƯƠNG TRỌNG HUY
2. Họ và tên thường gọi: TRƯƠNG TRỌNG HUY
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 01 tháng 01 năm 1981
5. Nơi sinh: Phú Yên
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. CCCD số: 054081000103 ngày cấp: 23/12/2019 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
8. Địa chỉ thường trú: 15 Nguyễn Văn Cừ, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
9. Số điện thoại liên lạc:
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Tên pháp nhân (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân):
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân số: 0100150577 Ngày cấp: 20/02/2019 (thay đổi lần thứ 10)
+ Địa chỉ pháp nhân: Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
+ Số cổ phần sở hữu/đại diện: (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân):
12. Trình độ chuyên môn:

Tên văn bằng	Trình độ	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Cử nhân Kinh tế	Đại học	1999-2003	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng Chỉ B	Chứng chỉ	2002-2003	Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Sau Đại học	2008-2010	Đại học Bách khoa Hà Nội
Giấy chứng nhận hoàn thành	Chứng chỉ	Tháng 8/2015	BrainWork Viet Nam

13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2003 - 10/2006	Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C	Kiểm toán viên
10/2006 - 07/2007	Công ty Dịch vụ khai thác dầu khí PTSC	Nhân viên Kế toán - Phòng Tài chính - Kế toán
07/2007 - 11/2007	Công Dịch vụ khai thác dầu khí PTSC	Phó phòng Tài chính - Kế toán
11/2007 - 06/2009	Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Phó phòng Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán
07/2009 – 03/2011	Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Kế toán trưởng/Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
04/2011 – 05/2020	Công ty cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Kế toán trưởng/Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Từ 06/2020 - nay	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

14. Danh sách Người liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Số CP sở hữu
1	Trương Hoàn	Bố	1958	Phú Yên	Xã Hoà Thắng, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên	0
2	Phan Thị Phương	Mẹ	1958	Phú Yên	Xã Hoà Thắng, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên	0
3	Nguyễn Thị Trà My	Vợ	1983	Hà Tĩnh	15 Nguyễn Văn Cừ, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	0
4	Trương Nguyễn Huy Minh	Con	2009	Phú Yên	15 Nguyễn Văn Cừ, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	0
5	Trương Nguyễn Huy Nguyên	Con	2012	Phú Yên	15 Nguyễn Văn Cừ, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	0
6	Trương Thị Yến	Em	1982	Phú	Xã Hoà Thắng, huyện	0

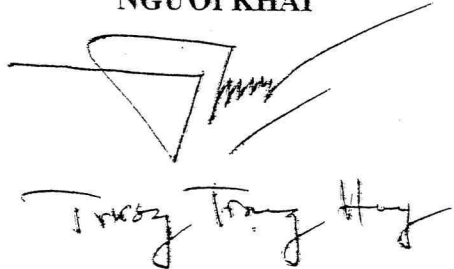
STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Số CP sở hữu
				Yên	Phú Hoà, Phú Yên	
7	Trương Trọng Hỷ	Em	1985	Phú Yên	254/20/2 Lê Văn Thọ, phường 11, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	0

Tôi cam kết:

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát;
- Các thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI KHAI



Trương Trọng Hỷ

Số: 11 /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
**Về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị
và Thành viên Ban kiểm soát năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2015;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC năm 2020,

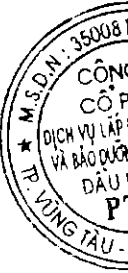
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất kế hoạch tiền lương, mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty năm 2020 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019:

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trong đó thông qua nội dung mức thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019. Công ty báo cáo tình hình thực hiện tiền lương, thù lao và thu nhập năm 2019 của HĐQT, Ban KS như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty:
 - Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (kiêm nhiệm): 05 người.
 - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm): 03 người.
2. Thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2019:
 - a) Hội đồng quản trị là 2.425.980.800 VNĐ, trong đó:
 - Quỹ tiền lương là 2.018.934.800 VNĐ.
 - Quỹ thù lao là 168.000.000 VNĐ.
 - Lợi ích khác là 239.046.000 VNĐ
 - b) Ban Kiểm soát là 63.000.000 VNĐ.

Tổng thù lao, tiền lương và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019 được báo cáo cụ thể trong tài liệu Báo cáo hoạt động của Hội đồng



quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020:

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020:
 - Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 - Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
2. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2020:
 - Thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
3. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2020:
 - Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Trưởng Ban Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi quý.

Mức thù lao nêu trên là phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020: Chi phí công vụ (bao gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.



Nguyễn Tiên Phong